

Bản án số: 43/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 07/7/2022

Về việc ly hôn.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

-----  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN- TỈNH THÁI NGUYÊN

*Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

\* **Thẩm phán, chủ tọa phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Tứ Xuân

\* **Các hội thẩm nhân dân:** 1. Ông Trần Xuân Việ  
2. Ông Lê Văn Ninh

\* **Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:** Bà Vũ Thùy Dương - Cán bộ  
Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên - tỉnh Thái Nguyên.

\* **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên:** Bà Đinh  
Thị Hương Lý - Kiểm sát viên.

Ngày 07/7/2022, tại Hội trường Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên  
tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 127/  
TLST-HNGĐ ngày 11/3/2022 về việc “ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét  
xử số 52/2022/QĐXX- ST ngày 20/6/2022 giữa các đương sự:

\* **Nguyên đơn:** Chị Trương Thị N, sinh năm 1995. Có mặt

HKTT: Xóm Đ, xã ĐL, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên

Nơi ở: Thôn TT, xã LT, huyện BT, tỉnh Thanh Hóa

\* **Bị đơn:** Anh Tạ Văn A, sinh năm 1989. Có đơn xin xét xử vắng mặt

HKTT: Xóm Đ, xã ĐL, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

**Theo đơn xin ly hôn, các bản khai tại Tòa án chị Trương Thị N trình bày:** Chị và anh Tạ Văn A kết hôn năm 2016 có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đồng Liên, thành phố Thái Nguyên trên cơ sở tự nguyện có tổ chức cưới hỏi theo nghi thức truyền thống của dân tộc. Sau khi kết hôn vợ chồng chị không hòa hợp, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do anh A mãi chơi, không có sự quan tâm đến vợ, con. Chị và gia đình đã nhiều lần khuyên bảo nhưng anh A không thay đổi. Vợ chồng chị đã ly thân từ tháng 04/2022, hiện nay chị đã về sinh sống cùng bố mẹ đẻ tại huyện BT, tỉnh Thanh Hóa. Chị N xác định mâu thuẫn vợ chồng đã ở mức trầm trọng nên đề nghị Tòa án cho được ly hôn với anh A.

Về con chung: Chị N khai có một con chung là Tạ Thị Bích Ng, sinh ngày 04/9/2016. Khi ly hôn chị đồng ý để anh A được trực tiếp nuôi dưỡng,

chăm sóc cháu Bích Ng cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Chị sẽ cấp dưỡng nuôi con chung theo khả năng.

Tài sản chung, công nợ chung: Không có. Không đề nghị giải quyết.

***Bị đơn anh Tạ Văn A trong bản tự khai đề ngày 06/6/2022 trình bày:***  
Anh và chị Trương Thị N kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đồng Liên, thành phố Thọ Thái Nguyên. Trong quá trình chung sống vợ chồng anh có phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung dẫn đến việc cãi vã, vợ chồng anh đã ly thân từ tháng 04/2022 đến nay. Chị N có nguyện vọng ly hôn, anh đồng ý. Về con chung: Anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là Tạ Thị Bích Ng, sinh ngày 04/9/2016. Về cấp dưỡng nuôi con anh không yêu cầu Chị N cấp dưỡng. Về tài sản chung, công nợ chung: Không có. Không đề nghị giải quyết

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập, lấy lời khai, hòa giải đối với chị N, anh A. Tuy nhiên, anh A vắng mặt tại các phiên hòa giải và có đơn đề nghị hòa giải, xét xử vắng mặt. Vì vậy, vụ án phải được đưa ra xét xử ngày hôm nay.

Trong phần tranh tụng, Chị N giữ nguyên quan điểm khởi kiện là đề nghị được ly hôn với anh A. Về con chung, chị đồng ý để anh A được trực tiếp, nuôi dưỡng chăm sóc con chung là Tạ Thị Bích Ng, chị sẽ cấp dưỡng nuôi con chung theo khả năng. Tài sản chung, công nợ chung không có, không yêu cầu giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào Điều 21; Điều 262 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015: Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định về thẩm quyền của mình theo Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự; Tuân thủ đúng quy định về trình tự, tố tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 BLTTDS, bị đơn chưa chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trương Thị N, cho chị N được ly hôn với anh Tạ Văn A. Về con chung: Giao con chung là Tạ Thị Bích Ng, sinh ngày 04/9/2016 cho anh A trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi cháu Ngọc đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Việc cấp dưỡng nuôi con chung không giải quyết do các đương sự không có yêu cầu. Tài sản chung, công nợ chung không có, không đề nghị giải quyết. Buộc chị N chịu án phí dân sự sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa hội đồng xét xử nhận định:

***1. Về tố tụng:*** Bị đơn anh Tạ Văn A có hộ khẩu thường trú tại thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên. Căn cứ Điều 28; Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố

Thái Nguyên là đúng quy định. Anh Acó đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ Khoản 1 Điều 227 BLTTDS, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn. Các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp cho Tòa án đều đảm bảo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

2. *Về quan hệ hôn nhân*: Quan hệ hôn nhân giữa chị Trương Thị N và anh Tạ Văn A là hợp pháp. Quá trình chung sống anh, chị phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung dẫn đến cãi vã mặc dù đã được gia đình hai bên khuyên bảo. Chị N, anh A đã ly thân từ tháng 4/2022 đến nay không có sự quan tâm, chia sẻ.

Như vậy, có thể khẳng định mâu thuẫn vợ chồng giữa Chị N và anh A đã ở mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc Chị N đề nghị ly hôn là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 luật hôn nhân gia đình nên chấp nhận.

3. *Về con chung*: Anh Tạ Văn A có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Tạ Thị Bích Ng, sinh ngày 04/9/2016 và không đề nghị chị N cấp dưỡng nuôi con chung. Chị N đồng ý với các yêu cầu của anh A. Hội đồng xét xử xét thấy đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự, nên ghi nhận. Giao con chung là Tạ Thị Bích Ng cho anh A trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi cháu Ng đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Việc cấp dưỡng nuôi con chung không giải quyết do các đương sự không có yêu cầu.

4. *Về tài sản chung, công nợ chung*: Không giải quyết do các đương sự không yêu cầu.

5. *Về án phí*: Chị Trương Thị N phải nộp án dân sự sơ thẩm vào ngân sách nhà nước.

Xét ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về nội dung vụ án là có căn cứ chấp nhận.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên:*

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 28; Điều 35, Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 227 BLTTDS năm 2015. Áp dụng Điều 56; Điều 81; 82; 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Luật phí và lệ phí năm 2016; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án.

### ***Tuyên xử:***

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trương Thị N. Cho chị Trương Thị N được ly hôn với anh Tạ Văn A.

2. **Về con chung**: Giao con chung là Tạ Thị Bích Ng, sinh ngày 04/9/2016 cho anh Tạ Văn A trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi cháu Ng đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

Việc cấp dưỡng nuôi con chung không giải quyết do các đương sự không có yêu cầu. Chị N được quyền đi lại thăm nom chăm sóc, giáo dục con chung.

**3. Về tài sản chung, công nợ chung:** Không có. Không yêu cầu Tòa án không giải quyết.

**4. Án phí:** Chị Trương Thị N phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm sung quỹ nhà nước được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí sang theo biên lai thu số 0001024 ngày 11 tháng 3 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên.

**5. Quyền kháng cáo:** Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND TP. Thái Nguyên ;
- Chi cục THADS TP. Thái Nguyên;
- UBND nơi ND, BD cư trú;
- Các DS;
- Lưu.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Thị Tứ Xuân**

